|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |
|  |  | |

**DỰ THẢO 3**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Sở Giao thông vận tải chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hoặc sơ đồ vị trí thiết lập phao và cờ hiệu;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải gửi văn bản (kèm theo một bộ phô tô hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này) đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, Cảng vụ hàng hải khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để lấy ý kiến;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Thẩm quyền thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động tại vùng 2**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng 2.

2. Trước khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thỏa thuận với chủ đầu tư về địa điểm, quy mô, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

"3. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c) Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trường hợp đóng vùng hoạt động quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng vùng hoạt động.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Hồ sơ, thủ tục đóng vùng hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều này

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 đơn đề nghị theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèo theo Nghị định này;

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng vùng hoạt động theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Cơ quan đăng ký phương tiện**

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện, quản lý việc đăng ký phương tiện; tổ chức quản lý phương tiện thuộc diện được miễn đăng ký theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể phân công, phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý phương tiện và quản lý phương tiện được miễn đăng ký.".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ bao gồm:

1. Giấy tờ phải nộp, gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) 02 ảnh màu có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trình tự thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ và xử lý như sau:

1. Trường hợp thay đổi tên phương tiện: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó và xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Thủ tục đăng ký lại: Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp trước đó, tiêu hủy theo quy định đối với các trường hợp tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác, chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ phương tiện đề nghị đăng ký phương tiện, căn cứ cơ sở dữ liệu của phương tiện để cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới cho chủ phương tiện với các nội dung thông tin đăng ký giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cũ.".

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"2. Giấy tờ phải nộp

a) Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ hồ sơ, dữ liệu lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký với các nội dung được giữ nguyên như Giấy chứng nhận đã cấp trước đó.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Nghị định này.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện thu lại và tiêu hủy Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng theo quy định. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới có nội dung được giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã cấp trước đó.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.".

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

"**Điều 23. Thủ tục xóa đăng ký phương tiện**

1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp xóa đăng ký phương tiện.".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

**"Điều 30. khoản chuyển tiếp**

Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước vùng 1; công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2; đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2; đăng ký phương tiện lần đầu; đăng ký lại phương tiện; cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; xóa đăng ký phương tiện) đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.".

12. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 05 bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 kèm theo Nghị định này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính QG; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH…  **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /………… | *…….(địa danh), ngày tháng năm 20……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố mở vùng hoạt động vui chơi giải trí**

**ỦY BAN DÂN DÂN HUYỆN ...**

Căn cứ …………………………………………………………………………;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí của ………..(1)…… và các hồ sơ liên quan,

Theo đề nghị của ………………………………………………………………

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí của .......(1)……, với các nội dung:

1. Vị trí và phạm vi vùng hoạt động:

a) Khu vực hoạt động số 1: …….(2)…… được xác định bởi các điểm từ .... đến ... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

b) Khu neo đậu số 2: ……..(2)…….. được xác định bởi các điểm từ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

c) Khu neo đậu số ….: ...: (2) được xác định bởi các điểm từ ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

Theo vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động do ……….(3).......... lập ngày... tháng ... năm...

2. Chủ khai thác: …………………………………………………………………

- Địa chỉ trụ sở: …………………………………………………………………;

- Số điện thoại: ……………………………………………………………………

3. Mục đích sử dụng: Hoạt động vui chơi giải trí.

**Điều 2.** …………(2) ……………trong quá trình khai thác vùng hoạt động có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Không được phép hoạt động vui chơi giải trí trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

**Điều 3.** Các ....(4)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; ……………… - Lưu: VT,... | **CHỦ TỊCH    Nguyễn Văn A** |

***Ghi chú:***(1). Tên của tổ chức cá nhân đề nghị công bố vùng hoạt động.

(2). Thông tin về phạm vi vùng hoạt động:

- Nếu vùng hoạt động trên sông thì ghi: từ Km ... đến Km .... bờ (phải/trái) sông có chiều dài ....m dọc theo sông, chiều rộng ....m;

- Nếu vùng hoạt động không phải trên sông ghi: chiều dài, chiều rộng vùng hoạt động.

(3). Tên của tổ chức lập tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động.

(4). Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

**Kèm theo Mẫu số 01**

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân huyện....)*

**Tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước của ....**

*(theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục ....0...” mũi chiếu ...0)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **X(m)** | **Y(m)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Vùng hoạt động số 1** | | |
| B1 |  |  |  |
| B2 |  |  |  |
| B3 |  |  |  |
| B4 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| **II** | **Vùng hoạt động số 2** | | |
| A1 |  |  |  |
| A2 |  |  |  |
| A3 |  |  |  |
| A4 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| **III** | **Vùng hoạt động số 3** | | |
| C12 |  |  |  |
| C13 |  |  |  |
| C14 |  |  |  |
| C15 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH …  **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /……… | *…….(địa danh), ngày tháng năm 20……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ...**

Căn cứ……………………………………………………………………………;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí của …..(1) …… và các hồ sơ liên quan,

Theo đề nghị của ………………………………………………………………

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí của ……..(1)………, với các nội dung:

- Địa chỉ trụ sở: …………………………………………………………………;

- Số điện thoại: …………………………………………………………………;

- Đã được cấp vùng hoạt động vui chơi giải trí theo Quyết định số ...

**Điều 2.** ………(1)......... có trách nhiệm thanh thải vật chướng ngại và trả lại nguyên trạng tự nhiên của vùng hoạt động như trước khi được công bố.

**Điều 3.** Các …..(2).... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; …………….. - Lưu: VT,... | **CHỦ TỊCH     Nguyễn Văn A** |

***Ghi chú:***

(1) Tên của tổ chức cá nhân đề nghị công bố đóng vùng hoạt động.

(2) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.